

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều – công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước họp ngày 24/12/2019 tại Hội trường Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 601/HLP-GTĐTM ngày 06/01/2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 13/01/2020,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

### **Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:**

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ tịch UBND xã Thanh An, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-4-QĐPD-TNMT)</sub>.

K. CHỦ TỊCH  
Đ. CHỦ TỊCH



*Huỳnh Anh Minh*

## PHỤ LỤC

**Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều – công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát làm chủ đầu tư (Kèm theo Quyết định số ...138...../QĐ-UBND ngày 16./01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)**

### 1. Thông tin về Dự án:

**1.1. Tên Dự án:** Dự án Xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều - công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm.

**1.2. Chủ Dự án:** Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Hoàng Long Phát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3800630038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25/11/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/3/2016 (được chuyển đổi ngày 13/10/2015 từ DNTN Hoàng Long Phát).

Trụ sở chính: Tổ 2, thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Chức vụ: Giám đốc.

**1.3. Địa điểm thực hiện Dự án:** Tổ 7, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

**1.4. Phạm vi, quy mô:** Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 9.746,4 m<sup>2</sup> với quy mô 7.000 tấn sản phẩm/năm.

**1.5. Công nghệ của Dự án:** Chế biến và xuất khẩu hạt điều theo quy trình công nghệ bán tự động trong đó có một số công đoạn thực hiện thủ công.

**1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án:** Nhà xưởng sản xuất; nhà văn phòng, kho; nhà ở công nhân và khu vực xử lý chất thải của các công trình bảo vệ môi trường.

### 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

#### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình giải phóng mặt bằng, san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu cho quá trình triển khai xây dựng; nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và nước thải xây dựng; chất thải rắn từ sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án; bụi, khí thải từ lò hơi; bụi, mùi hôi và

hơi dầu điều phát sinh từ vỏ hạt điều trong quá trình sản xuất; nước thải từ quá trình sản xuất (từ lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi), nước thải sinh hoạt của công nhân viên; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại.

## **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

### **2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 02 - 03 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần chủ yếu là hàm lượng chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 03 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần gồm: pH, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), amoni (tính theo N), nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat (PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) (tính theo P), tổng coliform.

### **2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Nước thải sản xuất (phát sinh từ lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi)*: Lưu lượng nước thải khoảng 04 m<sup>3</sup> cung cấp cho hệ thống xử lý khí thải tại bể xử lý bụi ướt của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Nước thải chủ yếu chứa hàm lượng cặn rắn lơ lửng (TSS), pH, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), COD.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng nước thải: khoảng 05 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần gồm: pH, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

## **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

### **2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Bụi từ quá trình giải phóng mặt bằng, từ quá trình san nền, đào móng*: Lượng bụi phát sinh trong hoạt động này có nồng độ khoảng 0,462 mg/m<sup>3</sup>, chủ yếu phát sinh từ hoạt động đào đất, san nền; tác động trực tiếp đến công nhân xây dựng trong thời gian thi công xây dựng.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu cho quá trình triển khai xây dựng*: Chứa nhiều bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> và VOC.

### **2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào khu vực Dự án*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải từ lò hơi*: Dự án sử dụng nhiên liệu đốt là biomass (mùn cưa, dăm bào) cấp nhiệt cho lò hơi nên thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm: Bụi, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.

- *Bụi, mùi hôi và hơi dầu điều phát sinh từ vỏ hạt điều trong quá trình sản xuất*: Bụi trong quá trình chế biến hạt điều chủ yếu phát sinh từ các khâu phân cỡ

hạt sơ bộ, tách vỏ, bóc vỏ lụa, phân loại cấp sản phẩm và đóng gói. Mùi hôi và hơi dầu điều phát sinh từ vỏ hạt điều sau khi đã tách lấy nhân, chủ yếu là các hợp chất hữu cơ bay hơi từ quá trình sấy.

#### **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt thông thường:**

##### **2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 50 kg/ngày, chủ yếu là xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 12,6 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải rắn sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

##### **2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại*: Phát sinh khoảng 21 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải rắn sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại bao gồm bao nilon, nút xốp, bao chống xóc, thùng carton... ước tính khoảng 100 kg; sắt thép vụn (phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc và giai đoạn hoạt động của Dự án) ước tính khoảng 120 kg.

#### **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

**2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:** Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là dầu nhớt thải; giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt; sơn thải (tổng khối lượng khoảng 8,5 kg/tháng).

**2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:** Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10 kg/tháng, gồm giẻ lau, bao tay dính dầu mỡ, hóa chất; thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y); bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải; pin, ắc quy chì thải.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

##### **3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng*: Được thu gom vào các hố lắng tạm, kết cấu bê tông cốt thép với kích thước: 3,5 m x 1,5 m x 1,5 m. Bụi, cát, đá... có trong nước thải sẽ lắng xuống và phần nước trong sẽ được tái sử dụng cho việc trộn bê tông, rửa xe.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt*: Thuê 02 nhà vệ sinh di động (vật liệu composite, kích thước 2,05 m x 1,45 m x 2,85 m; bồn chứa nước dung tích 500 lít, bồn chứa phân dung tích 1.600 lít) sử dụng cho Dự án, định kỳ nước thải và phân từ nhà vệ sinh di động được hợp đồng chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý.

### 3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sản xuất (phát sinh từ lò hơi và hệ thống xử lý khí thải lò hơi):* Nước thải tại bể hấp thụ ướt sẽ được châm liên tục khi có hao hụt, không thải bỏ ra ngoài môi trường; định kỳ lượng cặn rắn sẽ được thu gom xử lý cùng với chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt:* Xây dựng 02 bể tự hoại 05 ngăn với tổng thể tích 15,75 m<sup>3</sup> (kích thước từng bể 3,5 m x 1,5 m x 1,5 m = 7,875 m<sup>3</sup>), nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 05 ngăn được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 06 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý với quy trình:

Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hồ thu gom → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT và cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT được tái sử dụng để tưới cây xanh trong khu vực Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình của Hệ thống xử lý nước thải như sau:

Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Vật liệu xây dựng
Bể tự hoại 05 ngăn	3,5 x 1,5 x 1,5	02	15,75	Bê tông cốt thép, trát chống thấm
Hồ thu gom	1,2 x 1,0 x 2,0	01	2,4	
Bể Aerotank	2,5 x 2,0 x 2,0	01	10	
Bể lắng	1,15 x 1,15 x 2,0	01	2,645	
Bể khử trùng	1,15 x 1,15 x 2,0	01	2,645	
Bể chứa bùn	1,3x 12 x 2,0	01	31,2	

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Giảm thiểu bụi từ quá trình thi công san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi trong khu vực Dự án; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Giảm thiểu bụi từ các phương tiện vận chuyển:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; các xe vận chuyển phải chở đúng tải trọng và phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ...

#### 3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển:* Bê tông hóa đường giao thông nội bộ, các phương tiện vận chuyển phải được phủ kín, trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng...

- *Giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất:* Thường xuyên quét dọn và vệ sinh nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân, bố trí mặt bằng nhà xưởng thông thoáng...

- *Giảm thiểu mùi, hơi dầu điều:* Bố trí nhà xưởng thông thoáng, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, thu gom vỏ hạt điều hàng ngày...

- *Giảm thiểu khí thải từ quá trình vận hành lò hơi:* Khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom và xử lý theo quy trình: Khí thải → Cyclon thu bụi → Bể xử lý bụi ướt → Ống khói.

Kích thước các hạng mục công trình hệ thống xử lý khí thải lò hơi như sau:

STT	Hạng mục	Kích thước (mm)	Vật liệu
1	Cyclon	D x H = 760 x 2.900	Thép tấm CT3, dày 03 mm
2	Bể xử lý bụi ướt	D x R x C = 2.000 x 2.000 x 1.000	Thép tấm CT3, dày 05 mm hoặc bê xây gạch, có chống thấm
3	Ống khói	D x H = 450 x 8.500	Thép tấm CT3, dày 03 mm

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

#### 3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Các loại chất thải rắn như: đất, cát, đá được thu gom liên tục trong quá trình xây dựng và tận dụng để san lấp mặt bằng; các loại cốt pha, sắt, thép được tái sử dụng cho quá trình xây dựng; các loại bao bì chứa vật liệu xây dựng được thu gom, một phần tái sử dụng, một phần hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa thích hợp và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

#### 3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí 03 thùng rác 60 lít bằng nhựa tại khu vực nhà công nhân và nhà văn phòng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sản xuất của Dự án:* Khu vực chứa chất thải rắn có diện tích 52 m<sup>2</sup>, kết cấu: tường bao, mái che... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thu gom, phân loại và lưu chứa chất thải nguy hại trong 02 thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 60 lít,

đặt tại khu vực thích hợp trong giai đoạn xây dựng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

**3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:** Thu gom, phân loại và lưu chứa chất thải nguy hại trong các thùng chứa có thể tích 60 lít, bằng nhựa HPDE, có nắp đậy kín, dán nhãn, đặt trong khu vực nhà chứa chất thải nguy hại diện tích 08 m<sup>2</sup>, kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt quét sơn nước, mái lợp tole... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:**

*Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông vận chuyển, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định...

#### **3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thường xuyên theo dõi, bảo trì máy móc, thiết bị; trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà xưởng đảm bảo đạt tối thiểu 20% tổng diện tích Dự án...

- *Biện pháp quản lý, khai thác nước ngầm:* Đăng ký giấy phép khai thác nước ngầm theo quy định; thiết lập các vùng phòng hộ vệ sinh của vùng khai thác; lập phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất khi Dự án đã đi vào hoạt động...

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ lò hơi:*

Nhà lò hơi bố trí thông thoáng, có đủ không gian cho công nhân làm việc, kiểm tra vận hành và vệ sinh thiết bị; trước khi vận hành lò hơi, công nhân phải kiểm tra đầy đủ các cơ cấu an toàn, hệ thống điện, đồng hồ chỉ áp suất...

Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ lò hơi: Cháy nổ → Báo động an toàn cho toàn nhà máy → Thông báo cho lãnh đạo Công ty. Trường hợp sự cố nghiêm trọng phải cắt điện, báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy; thoát hiểm và kết hợp với lực lượng phòng cháy chữa cháy để dập lửa, sau đó thu dọn hiện trường, điều tra và viết báo cáo sự cố. Trường hợp sự cố cháy nổ không nghiêm trọng, Chủ đầu tư tiến hành dập lửa, thu dọn hiện trường, sau đó điều tra và viết báo cáo sự cố...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:* Các thiết bị hư hỏng phải được sửa chữa ngay; kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên...



- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất*: Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và TCVN 5507:2002 - Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

#### **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:**

##### **4.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:**

###### **4.1.1. Không khí khu vực xây dựng:**

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực thi công.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi, khí SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Tần suất giám sát: 01 lần/giai đoạn xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế.

###### **4.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:**

###### **4.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:**

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại nhà xưởng 01 và 01 điểm tại nhà xưởng 02.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế, QCVN 24:2016/BYT.

###### **4.2.2. Giám sát khí thải:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, NO<sub>2</sub>, CO, SO<sub>x</sub>, VOC.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với k<sub>p</sub> = 1, k<sub>v</sub> = 1,2.

###### **4.2.3. Giám sát môi trường nước thải:**

- Vị trí giám sát: 01 mẫu bể khử trùng.
- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT và cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

###### **4.2.4. Giám sát môi trường nước ngầm:**

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giếng khoan trong khu vực Dự án.
- Thông số giám sát: pH, độ cứng, TDS, Fe, nitrat, nitrit, Cl<sup>-</sup>, amoni, coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

#### **4.2.5. Giám sát môi trường đất:**

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực tưới cây xanh.
- Thông số giám sát: As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT.

#### **4.2.6. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải rắn phát sinh; giám sát lượng chất thải nguy hại tại nơi lưu giữ.
- Vị trí giám sát: Tại kho lưu trữ chất thải rắn và kho lưu trữ chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo các quy định hiện hành.

### **5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác**

**5.1.** Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**5.2.** Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án.

**5.3.** Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

**5.4.** Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 274/UBND ngày 17/12/2019 của UBND xã Thanh An về việc ý kiến tham vấn báo cáo ĐTM về Dự án xây dựng xưởng chế biến và xuất khẩu hạt điều, công suất 7.000 tấn sản phẩm/năm và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 17/12/2019 tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ

với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

**5.5.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền./.